

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN Ô MÔN  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/DS-ST  
Ngày: 10-9-2020  
V/v Tranh chấp hụi

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN – THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Trần Thanh Thế.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Tân An.
2. Ông Trương Sô Huy.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn.

**- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huệ.

Trong ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2020/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2020/QĐST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1955. (Có mặt)

Địa chỉ: Khu vực G, phường C, quận M, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Bé H**, sinh năm 1972. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực G, phường C, quận M, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Lê Hồng D**, sinh năm 1968. (Vắng mặt)

- Bà **Ngô Thị Hồng Th**, sinh năm 1952. (có đơn xin vắng mặt)

- Ông **Nguyễn Khắc Th3**, sinh năm 1978. (có đơn xin vắng mặt)

- Bà **Nguyễn Kim Th2**, sinh năm 1989. (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu vực G, phường C, quận M, thành phố Cần Thơ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:**

Bà và bà Nguyễn Thị Bé H, ông Lê Hồng D có quen biết cùng xóm nên bà có tham gia chơi hội do bà H và ông D làm chủ hội, gồm các dây hội:

- Hội 1.000.000đồng/tháng, khai ngày 05/7/2018 (âm lịch) gồm có 16 phần, bà tham gia 01 phần, đã góp được 06 lần với số tiền là 6.000.000 đồng.

- Hội 1.000.000đồng/tháng, khai ngày 10/7/2018 (âm lịch) gồm có 16 phần, bà tham gia 01 phần, đã góp được 05 lần số tiền 5.000.000 đồng.

Sau đó bà H tuyên bố bế hội và không trả tiền lại cho bà, bà đã nhiều lần yêu cầu bà H và ông D trả tiền hội nhưng bà H và ông D hứa hẹn nhiều lần và kéo dài đến nay.

Nay bà T yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Bé H và ông Lê Hồng D trả lại cho bà số tiền hội là 11.000.000 đồng.

**\* Tại Biên bản lấy lời khai ngày 25/02/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Lê Hồng D trình bày:**

Ông và bà Nguyễn Thị Bé H là vợ chồng, cùng đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu vực 12, phường Châu Văn Liêm, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ. Bà H có làm chủ hội khoảng 10 năm nay, đến khoảng tháng 9 năm 2019 thì bế hội. Do kinh tế gia đình quá khó khăn không có khả năng trả tiền hội cho các hội viên nên đến tháng 10/2019, ông và bà H đi đến tỉnh Bình Dương tìm việc làm.

Khi bà Bé H làm chủ hội, bà Nguyễn Thị T có tham gia chơi hội nhưng ông không biết bà T tham gia bao nhiêu chân hội. Ông thừa nhận bà H có nợ tiền hội của bà T nhưng hiện nay ông chưa xác định được số tiền hội bà H nợ bà T là bao nhiêu. Do bận đi làm nên bà H không đến Tòa án được, ông và bà H sẽ tính toán lại sổ hội để xác định số tiền hội còn nợ bà T.

Mặc dù việc tổ chức hội là do bà H tự làm, ông không có tham gia nhưng do là vợ chồng nên ông đồng ý cùng bà H chịu trách nhiệm trả lại cho bà T số tiền hội thực tế bà T đã đóng, yêu cầu bà T không tính tiền lãi.

**\* Tại Biên bản lấy lời khai ngày 22/7/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Ngô Thị Hồng Th trình bày:**

Bà và bà Nguyễn Thị T có quen biết nhau vì cùng tham gia hội do bà Nguyễn Thị Bé H làm chủ hội. Bà và bà T có tham gia chung 01 dây hội 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 05/7/2018 (âm lịch), gồm có 16 phần. Bà tham gia 03 phần, còn bà T thì tham gia 01 phần. Phần hội này bà đã góp được 15.000.000 đồng, bà T đã góp 6.000.000 đồng. Do bế hội nên bà Bé H chưa giao tiền hội cho bà và bà T.

Nay bà không có yêu cầu gì trong vụ án này. Đồng thời, do bận công việc nên bà yêu cầu được vắng mặt tại các phiên hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử vụ án này.

**\* Tại Biên bản lấy lời khai ngày 22/7/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn Khắc Th3 trình bày:**

Ông là con ruột của bà Nguyễn Thị T. Ông và bà T có tham gia chung 01 dây hụi do bà Nguyễn Thị Bé H làm chủ hụi, cụ thể: Hụi 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 05/7/2018 (âm lịch), gồm có 16 phần. Ông và bà T mỗi người tham gia 01 phần hụi. Phần hụi này ông đã góp được 5.000.000 đồng, bà T đã góp bao nhiêu thì ông không biết. Ông và bà T đều chưa hốt hụi này.

Nay ông không có yêu cầu gì trong vụ án này. Đồng thời, do bận công việc nên ông yêu cầu được vắng mặt tại các phiên hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử vụ án này.

**\* *Tại Biên bản lấy lời khai ngày 22/7/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Kim Th2 trình bày:***

Bà là con ruột của bà Nguyễn Thị T. Bà và bà T cùng tham gia 02 dây hụi do bà Nguyễn Thị Bé H làm chủ hụi gồm:

- Hụi 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 05/7/2018 (âm lịch), gồm có 16 phần. Bà tham gia 01 phần, còn bà T tham gia mấy phần thì bà không biết. Phần hụi này bà góp được 05 lần chưa hốt xong, bà T cũng chưa hốt hụi.

- Hụi 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 10/7/2018 (âm lịch), gồm có 16 phần. Bà tham gia 01 phần, còn bà T tham gia mấy phần hụi thì bà không biết. Phần hụi này bà góp được 05 lần, bà và bà T chưa hốt.

Nay bà không có yêu cầu gì trong vụ án này. Đồng thời, do bận công việc nên bà yêu cầu được vắng mặt tại các phiên hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử vụ án này.

***Tại phiên tòa,***

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà T yêu cầu bà Nguyễn Thị Bé H và ông Lê Hồng D cùng chịu trách nhiệm trả cho bà số tiền hụi là 8.250.000 đồng (*Tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*). Đối với dây hụi ngày 05/7/2018 (âm lịch), bà T xác định bà chỉ góp được 05 lần, do nhầm lẫn nên đơn khởi kiện ghi bà T đã góp 06 lần.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Bé H vắng mặt không có lý do.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hồng D vắng mặt không có lý do; bà Ngô Thị Hồng Th, ông Nguyễn Khắc Th3 và bà Nguyễn Kim Th2 có đơn xin vắng mặt.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

- + Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hụi”, xác định tư cách đương sự và tiến hành thu thập chứng cứ đúng quy định.

- + Về nội dung: Qua xem xét các tài liệu chứng cứ và diễn biến tại phiên tòa, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử

áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà T, ông D, bà Th, ông Th3 và bà Th2 cùng xác định bà H có làm chủ hội, quá trình làm hội có phát sinh tranh chấp nên bà T khởi kiện, do đó quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp hội*”. Đây là tranh chấp dân sự giữa cá nhân với cá nhân, được pháp luật dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 và Điểm a Khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Bé H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hồng D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do; bà Ngô Thị Hồng Th, ông Nguyễn Khắc Th3 và bà Nguyễn Kim Th2 có đơn xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Năm 2018, bà H có làm chủ hội nhiều dây hội, bà T có tham gia 02 dây hội:

- Hội 1.000.000đồng/tháng, khai ngày 05/7/2018 (âm lịch) gồm có 16 phần. Hội viên gồm có bà T, bà Th, ông Th3, bà Th2 và một số người khác không rõ họ tên và địa chỉ. Bà T tham gia 01 phần, đã góp được 05 lần, bình quân mỗi lần góp khoảng 825.000 đồng, tổng số tiền bà T đã góp là 4.125.000 đồng. Bà Th đã góp 15.000.000 đồng/3 phần, ông Th3 đã góp 5.000.000 đồng, bà Th2 đã góp được 05 lần. Bà T, bà Th, ông Th3 và bà Th2 chưa hết hội.

- Hội 1.000.000đồng/tháng, khai ngày 10/7/2018 (âm lịch) gồm có 16 phần. Hội viên gồm có bà T, bà Th2 và một số người khác không rõ họ tên và địa chỉ. Bà T tham gia 01 phần, đã góp được 05 lần, bình quân mỗi lần góp khoảng 825.000 đồng, tổng số tiền bà T đã góp là 4.125.000 đồng. Bà Th2 đã góp được 05 lần. Bà T và bà Th2 chưa hết hội.

Nay bà T yêu cầu bà Nguyễn Thị Bé H và ông Lê Hồng D trả lại cho bà số tiền hội là 8.250.000 đồng (*Tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*). Bà Th, ông Th3 và bà Th2 không có yêu cầu trong vụ án này.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo đơn khởi kiện, bà T yêu cầu bà H, ông D trả cho bà số tiền 11.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà T có thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà chỉ yêu

cầu bà H, ông D trả số tiền 8.250.000 đồng. Theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, có quyền chấm dứt hoặc thay đổi yêu cầu của mình. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi đơn khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà T có cung cấp 02 tờ giấy hội viết tay thể hiện các dây hội ngày 05/7/2018 và ngày 10/7/2018 (cùng tính theo ngày âm lịch). Theo bà T thì đây là các giấy hội do bà H tự ghi và đưa cho bà và các hội viên, tên của bà ghi trong giấy hội là tên “Thắm” (ghi theo tên thường gọi). Bà T chỉ biết có chơi hội cùng với bà Th, ông Th3 và bà Th2, còn lại tên của những người khác trong giấy hội thì bà không biết. Trong quá trình tham gia hội, bà H không cho các hội viên biết cụ thể những ai đã hót hội, do tin tưởng nên bà vẫn góp hội đầy đủ cho bà H, đến khi bế hội thì bà mới biết có một số dây hội mặc dù đã mãn nhưng vẫn còn nhiều người chưa được hót hội.

Bà Th, ông Th3 và bà Th2 đều thừa nhận các dây hội trên là có thật. Ông D thừa nhận việc bà H có nợ tiền hội của bà T nhưng không xác định được cụ thể bao nhiêu tiền. Do bà H và ông D đã vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không đưa ra ý kiến phản bác đối với chứng cứ và yêu cầu khởi kiện của bà T nên Hội đồng xét xử xem xét đối chiếu lời khai của các đương sự cùng với các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, từ đó đã có cơ sở để xác định tổng số tiền hội bà H còn nợ bà T đối với 02 dây hội ngày 05/7/2018 và ngày 10/7/2018 (ngày âm lịch) là 8.250.000 đồng.

Đối với ông D là chồng của bà H, mặc dù không trực tiếp tổ chức các dây hội trên nhưng theo bà T thì ông D là người thu tiền hội của bà góp cho bà H; đồng thời, ông D cũng tự nguyện cùng bà H trả số tiền hội mà bà H còn nợ bà T. Do đó, cần buộc ông D liên đới chịu trách nhiệm cùng bà H trả cho bà T số tiền 8.250.000 đồng là phù hợp quy định điều 27 Luật Hôn nhân gia đình.

Từ những phân tích và đánh giá nêu trên cho thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên ông D, bà H phải chịu án phí theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Bà T được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Căn cứ vào:**

- Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Điều 357, Điều 468 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1/** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với bà Nguyễn Thị Bé H và ông Lê Hồng D.

Buộc bà Nguyễn Thị Bé H và ông Lê Hồng D liên đới chịu trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 8.250.000 đồng (*Tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất được quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

**2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:**

- Bà Nguyễn Thị Bé H và ông Lê Hồng D phải nộp số tiền 412.500 đồng (*Bốn trăm mười hai nghìn năm trăm đồng*).

- Bà Nguyễn Thị T được nhận lại số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 010781 ngày 17/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký*)

**Bùi Trần Thanh Thế**

